

Bản án số: 497/2023/HS-PT

Ngày 26 tháng 7 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 367/2023/TLPT-HS ngày 24 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Tôn Đức H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2023/HS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo: Tôn Đức H, sinh năm 1971 tại Nghệ An; nơi thường trú: 425/17/6 H, KP 5, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tôn H và bà Nguyễn Thị T; có vợ (đã ly hôn) và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 21/8/2020, có mặt.

- Người bào chữa chỉ định cho các bị cáo có: Luật sư Nguyễn Xuân T - Văn phòng luật sư GP, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không liên quan đến kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tôn Đức H làm nghề kinh doanh bất động sản, năm 2018, thông qua chị Đặng Thị A (bạn làm ăn với vợ Tôn Đức H), Tôn Đức H quen biết với ông Nguyễn Minh T. Trong thời gian quen biết, Tôn Đức H rủ ông Nguyễn Minh T góp vốn kinh doanh bất động sản để chia lợi nhuận. Năm 2018, ông Nguyễn Minh T chuyển cho Tôn Đức H số tiền 1.100.000.000 đồng để góp mua chung lô đất có diện tích 150m² vuông tọa lạc tại Đường D10, khu dân cư Hòa Lợi, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một,

tỉnh Bình Dương. Khoảng 01-02 tháng sau, Tôn Đức H đề nghị với anh Tuấn để lại lô đất trên cho người nhà của Tôn Đức H và Tôn Đức H sẽ chuyển cho ông Nguyễn Minh T 70.000.000 đồng tiền lợi nhuận (là tiền lời bán lại lô đất trên nhưng Tôn Đức H không nói rõ là bán giá bao nhiêu), riêng 1.100.000.000 đồng tiền vốn Tôn Đức H sẽ giữ lại để tiếp tục góp vốn mua đất chia lợi nhuận. Ông Nguyễn Minh T đồng ý. Tuy nhiên, kết quả xác minh không có việc Tôn Đức H mua, bán giao dịch đối với thửa đất trên.

Để tiếp tục chiếm đoạt tiền của bị hại Nguyễn Minh T, Tôn Đức H sử dụng điện thoại Samsung A7 để lập tài khoản Zalo có tên Anh Đặng rồi lấy hình ảnh các thửa đất do người khác gửi cho Tôn Đức H rao bán và Tôn Đức H tự soạn ra các tin nhắn thể hiện Tôn Đức H đang góp vốn mua đất với người có tên Anh Đặng. Sau đó, Tôn Đức H chụp lại các tin nhắn và hình ảnh trên rồi gửi cho ông Nguyễn Minh T để ông Nguyễn Minh T tin tưởng góp tiền mua đất với Tôn Đức H tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước... Tính đến ngày 01/12/2019, Tôn Đức H đã nhận của ông Nguyễn Minh T tổng cộng 22.258.000.000 đồng (bao gồm 12.393.000.000 đồng tiền mặt và 9.865.000.000 đồng tiền chuyển khoản). Để ông Nguyễn Minh T không nghi ngờ, từ năm 2018 đến tháng 12/2019 Tôn Đức H đã nhiều lần gửi lại cho ông Nguyễn Minh T với tổng số tiền là 7.818.000.000 đồng Tôn Đức H nói rằng chia lợi nhuận cho ông Nguyễn Minh T từ việc kinh doanh đất. Còn lại 14.440.000.000 đồng Tôn Đức H chiếm đoạt của ông Nguyễn Minh T.

Lo sợ ông Nguyễn Minh T đòi lại tiền, Tôn Đức H tiếp tục tạo ra tin nhắn Zalo giả thể hiện Tôn Đức H góp vốn 12.000.000.000 đồng với Zalo có tên là “Anh Dang” (Anh Đặng) cùng mua thửa đất số 51, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai do bà Phan Thị Kim L (ngụ tại ấp 3, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai) đứng tên chủ sở hữu với giá 23.370.000.000 đồng và Tôn Đức H chụp lại nội dung tin nhắn giả gửi qua cho ông Nguyễn Minh T xem và đề nghị ông Nguyễn Minh T góp 10.000.000.000 đồng trong số tiền Tôn Đức H đang còn giữ của ông Nguyễn Minh T để mua thửa đất trên, ông Nguyễn Minh T đồng ý. Sau đó, ông Nguyễn Minh T yêu cầu Tôn Đức H cung cấp các giấy tờ của thửa đất đã mua. Lúc này, Tôn Đức H lên mạng internet nhờ một đối tượng (chưa rõ lai lịch) làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 318027 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 12/8/2014 của thửa đất có tên là Phan Thị Kim L và Hợp đồng ủy quyền số 7986 ngày 14/01/2020 do Văn phòng Công chứng số 4 - tỉnh Đồng Nai chứng thực với nội dung bà Phan Thị Kim L ủy quyền cho Tôn Đức H có toàn quyền mua bán, định đoạt đối với thửa đất trên.

Đến tháng 3/2020, Tôn Đức H nhiều lần hứa hẹn chuyển nhượng thửa đất trên nhưng không thực hiện nên ông Nguyễn Minh T đề nghị Tôn Đức H ủy quyền lại cho ông Nguyễn Minh T đứng tên, Tôn Đức H đồng ý và hẹn ông Nguyễn Minh T đến Phòng Công chứng số 4, tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai để ký hợp đồng ủy quyền nhưng sau đó Tôn Đức H không đến. Ông Nguyễn Minh T đến Phòng Công chứng số 4 tìm hiểu thì được biết Phòng Công chứng số 4 không Công chứng hợp đồng ủy quyền giữa bà Phan Thị Kim L với Tôn Đức H. Nên ông Nguyễn Minh T gặp Tôn Đức H và yêu cầu trả lại tiền nhưng Tôn Đức H không thực hiện nên ông Nguyễn Minh T làm đơn tố cáo Tôn Đức H có hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Quá trình điều tra đã xác định: Tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai không có Văn phòng Công chứng số 4 mà chỉ có Phòng Công chứng số 4 và trên hệ thống lưu trữ của Phòng Công chứng số 4 không có hợp đồng ủy quyền số 7986 ngày 14/01/2020 của Văn phòng Công chứng số 4, tỉnh Đồng Nai về việc bà Phan Thị Kim L (sinh năm 1955;

HKTT: ấp 3, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai) ủy quyền cho Tôn Đức H sinh năm 1971; HKTT: 425/17/6 H, phường T, Quận 12 được quyền nhận đặt cọc, chuyển nhượng... đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 35, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 318027 tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai cung cấp thông tin về thửa đất số 51, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai do ông Nguyễn Văn L ngụ tại xã L, huyện L, Đồng Nai đứng tên chủ sử dụng; ông Nguyễn Văn L không quen biết ai tên Tôn Đức H; Đối với bà Phan Thị Kim L ngụ tại xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai xác định không đứng tên chủ sử dụng thửa đất trên, không quen biết ai tên Tôn Đức H và không có ký hợp đồng Công chứng ủy quyền cho Tôn Đức H. Đến ngày 17/8/2020, ông Nguyễn Minh T phát hiện Tôn Đức H đang ở thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nên yêu cầu Tôn Đức H về Công an thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương làm việc.

Tại Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Tôn Đức H đã khai nhận hành vi phạm tội. Ngoài ra Tôn Đức H khai đã sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 318027 của thửa số 51, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai và Hợp đồng ủy quyền lập ngày 14/01/2020 tại Văn phòng Công chứng số 4, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai do thuê người làm giả để giao cho bà Nguyễn Thị H để vay số tiền 750.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số: 1656/KLGĐ-TT ngày 21/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số sêri BY318027, mang tên bà Phan Thị Kim L, đề ngày cấp 12/8/2014 là giấy chứng nhận là giả (bản in phôi giấy, hình dấu tròn được làm giả bằng phương pháp in phun màu, chữ ký được ký giả trực tiếp).

Vật chứng thu giữ: 02 (hai) điện thoại di động hiệu Samsung A2 và A7; 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 318027 của thửa số 51, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai do bà Phan Thị Kim L sinh năm 1955; HKTT ấp 3, xã Hiệp Phước, huyện N, tỉnh Đồng Nai đã giám định là giả; 01 (một) bản chính hợp đồng ủy quyền số 7986 lập ngày 14/01/2020 của Văn phòng Công chứng số 4, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai đã giám định là giả (hiện lưu hồ sơ vụ án).

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Minh T yêu cầu bị cáo Tôn Đức H bồi thường số tiền 14.440.000.000 đồng.

Đối với hành vi thế chấp giấy tờ giả của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 318027 và hợp đồng ủy quyền của thửa đất số 51, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai cho bà Nguyễn Thị H để vay số tiền 750.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị H khai giấy tờ trên là do Tôn Đức H tự nguyện đưa cho bà Nguyễn Thị H giữ để làm tin, bà Nguyễn Thị H không có yêu cầu xử lý. Do vậy, không có căn cứ xử lý Tôn Đức H về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà Nguyễn Thị H. Đối với đối tượng (chưa rõ lai lịch) có hành vi làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 318027 ngày 12/8/2014 và Hợp đồng ủy quyền số 7986 lập ngày 14/01/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã tách vụ án “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” để tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 77/CT-VKS-P2 ngày 07/02/2022, Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Tôn Đức H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2023/HS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 48 và Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Tôn Đức H 19 (mười chín) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 (bốn) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt chung là 23 (hai mươi ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/8/2020.

Buộc bị cáo phải trả lại số tiền 14.440.000.000 đồng cho ông Nguyễn Minh T có khấu trừ số tiền 100.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm quyết định về xử lý vật chứng, về lãi suất chậm thi hành án; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 24/4/2023 bị cáo Tôn Đức H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Bị cáo Tôn Đức H khai nhận hành vi phạm tội sử dụng giấy tờ giả như bản án sơ thẩm đã xử riêng đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị cáo cho rằng không có ý thức chiếm đoạt tài sản của bị hại; số tiền của bị cáo đã hoàn trả lại cho bị hại rất nhiều nên yêu cầu xem xét lại phần trách nhiệm dân sự buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 14.440.000.000 đồng là không đúng. Đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt vì Tòa án sơ thẩm xử quá nặng.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xem xét đơn kháng cáo của bị cáo đảm bảo hình thức và đúng thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa bị cáo kháng cáo yêu cầu xem xét lại phần trách nhiệm dân sự do án sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho bị hại, tuy nhiên bị cáo không xuất trình được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Đồng thời bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Tôn Đức H có ý kiến: Thống nhất với tội danh mà án sơ thẩm đã tuyên xử đối với bị cáo. Nhưng xét mức hình phạt mà Tòa án sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo quá nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Tôn Đức H làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Tôn Đức H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, biên bản thu giữ vật chứng cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Thông qua việc kinh doanh mua, bán đất, Tôn Đức H đã tạo ra nhiều tin nhắn Zalo giả thể hiện Tôn Đức H đã góp vốn mua, bán đất với người có tên là “Anh Đặng” để kêu gọi bị hại Nguyễn Minh T góp tiền mua đất chung với Tôn Đức H tại các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Bình Phước... nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của bị hại. Cụ thể từ năm 2018 đến tháng 12/2019, bị cáo Tôn Đức H đã nhận của ông Nguyễn Minh T nhiều lần với tổng số tiền là 22.258.000.000 đồng. Để ông Nguyễn Minh T không nghi ngờ, từ năm 2018 đến tháng 12/2019 Tôn Đức H đã chuyển tiền trả cho ông Nguyễn Minh T nhiều lần với tổng số tiền là 7.818.000.000 đồng Tôn Đức H cho rằng chia lợi nhuận từ việc kinh doanh đất. Do đó bị cáo Tôn Đức H đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Minh T số tiền 14.440.000.000 đồng.

Sau đó Tôn Đức H tiếp tục tạo ra tin nhắn Zalo giả thể hiện đang góp với người có tên “Anh Đặng” để mua thửa đất số 51, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai do bà Phan Thị Kim L sinh năm 1955; HKTT ấp 3, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đề nghị ông Nguyễn Minh T góp 10.000.000.000 đồng trong số tiền 14.440.000.000 đồng mà Tôn Đức H đang giữ để hùn mua đất với Tôn Đức H nên ông Nguyễn Minh T đồng ý. Ông Nguyễn Minh T yêu cầu bị cáo Tôn Đức H giao các giấy tờ của thửa đất ông Nguyễn Minh T đã góp vốn thì bị cáo Tôn Đức H lên mạng internet thuê một đối tượng chưa rõ lai lịch làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 318027 tên Phan Thị Kim L và hợp đồng ủy quyền thể hiện bà Phan Thị Kim L ủy quyền cho bị cáo Tôn Đức H bán thửa đất trên rồi đưa cho ông Nguyễn Minh T xem để ông Nguyễn Minh T tin tưởng bị cáo Tôn Đức H đã mua đất. Đến tháng 3/2020, ông Nguyễn Minh T thấy Tôn Đức H nhiều lần hứa hẹn chuyển nhượng thửa đất trên nhưng không thực hiện nên ông Nguyễn Minh T đề nghị Tôn Đức H ủy quyền lại cho ông Nguyễn Minh T đứng tên, Tôn Đức H đồng ý và hẹn ông Nguyễn Minh T đến Phòng Công chứng số 4, tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai để ký hợp đồng ủy quyền nhưng Tôn Đức H không đến. Ông Nguyễn Minh T đến Phòng Công chứng số 4 tìm hiểu thì được biết Phòng Công chứng số 4 không Công chứng hợp đồng ủy quyền giữa bà Phan Thị Kim L với Tôn Đức H. Nên ông Nguyễn Minh T gặp Tôn Đức H và yêu cầu trả lại tiền nhưng Tôn Đức H không thực hiện nên ông Nguyễn Minh T làm đơn tố cáo Tôn Đức H có hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại bản kết luận giám định số 1656/KLGD-TT ngày 21/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 318027 của thửa số 51, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai do bà Phan Thị Kim L sinh năm 1955; HKTT ấp 3, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai đứng tên là giấy chứng nhận giả.

Do đó Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Tôn Đức H đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Đồng thời bị cáo nhận thức được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp theo trình tự thủ tục do pháp luật quy định nhưng bị cáo đã thuê người khác làm giả giấy này và sử dụng giấy tờ giả để làm cho bị hại tin tưởng giao tài sản cho bị cáo. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc mới đảm bảo tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Tôn Đức H, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Tôn Đức H không có tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo và ý kiến của Luật sư đề nghị giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Đối với yêu cầu của bị cáo Tôn Đức H xin xem xét lại phần trách nhiệm dân sự buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Nguyễn Minh T là chưa có căn cứ. Nên giữ nguyên phần trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Minh T số tiền 14.440.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm bị hại ông Nguyễn Minh T khai đã nhận 100.000.000 đồng do gia đình bị cáo bồi thường. Nên buộc bị cáo Tôn Đức H tiếp tục bồi thường cho ông Nguyễn Minh T số tiền còn lại là 14.340.000.000 đồng là có căn cứ.

[6] Xét quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Tôn Đức H kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, về lãi suất chậm thi hành án; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tôn Đức H.

2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2023/HS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

2.1 Tuyên bố bị cáo Tôn Đức H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Tôn Đức H 19 (mười chín) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 (bốn) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt chung: 23 (Hai mươi ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 21/8/2020.

2.2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Tôn Đức H có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Minh T số tiền: 14.440.000.000 đồng. Khấu trừ số tiền 100.000.000 đồng do gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Minh T. Buộc bị cáo Tôn Đức H tiếp tục bồi thường cho ông Nguyễn Minh T số tiền 14.340.000.000 đồng (Mười bốn tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng).

3. Bị cáo Tôn Đức H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, về lãi suất chậm thi hành án; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**